

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM CẦN CÓ BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CẠNH TRANH

Nguyễn Quốc Phong*

Hơn một thập niên qua, kể từ khi có luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành năm 1987, hoạt động đầu tư nước ngoài (DTNN) và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Thế nhưng, liên tục có những câu hỏi đặt ra là chúng ta đã sử dụng nguồn lực này một cách hiệu quả chưa? Môi trường cho nguồn lực này hoạt động đã thuận lợi chưa hay vẫn nhiều cản trở? Và chính sách thu hút nguồn vốn này ở Việt Nam ra sao, chúng ta đã sử dụng hết tiềm lực sẵn có cũng như chính sách cạnh tranh để thu hút nguồn vốn này so với các quốc gia khác hay chưa?

■ Thành tựu mới nhất về FDI tại Việt Nam.

Đúng như mong đợi và dự đoán từ đầu năm của nhiều chuyên gia và các nhà đầu tư, tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm 2004 của Việt nam đã cải thiện đáng kể. Năm qua, Việt Nam ước thu trực tiếp được trên 4 tỷ USD vốn FDI (kể hoạch để ra là 3,2 tỷ USD) - đây là con số cao nhất trong vòng 7 năm gần đây.

Theo cục đầu tư nước ngoài, trong số hơn 4 tỷ USD vốn FDI thu hút được trong năm 2004 thì có khoảng 1,8 tỷ USD của trên 400 dự án đang hoạt động xin tăng vốn (tính đến cuối tháng 11/2004) tăng khoảng 500 triệu USD so với số vốn đăng ký tăng thêm của năm 2003. Đây là mức tăng vượt bậc, và điều này

càng chứng minh rằng nhiều nhà đầu tư càng tin tưởng và tăng cường mở rộng đầu tư tại Việt Nam. Những nhà đầu tư tăng vốn thêm hàng trăm tỷ USD như Công ty xi măng Chinfon Hải Phòng tăng thêm 161,7 triệu USD, liên doanh xi măng Nghi Sơn tăng thêm vốn

■ FDI tại Việt Nam - Tại sao chưa mạnh?

1. Xu hướng chính của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong hai thập kỷ gần đây.

Qua các kết quả nghiên cứu, cho phép đưa ra kết quả về xu hướng chính của dòng thái FDI trong hai thập kỷ gần đây như sau:

Bảng 1: Những đặc trưng của FDI cấp quốc gia

FDI và các nước phát triển	FDI và các nước đang phát triển
<ul style="list-style-type: none"> - Các nước phát triển vẫn là nước đầu tư vào là nước nhận đầu tư chủ yếu. - Dòng FDI chủ yếu di chuyển giữa các nước có nhiều yếu tố tương đồng về sự đổi mới các yếu tố sản xuất, thu nhập bình quân đầu người, trình độ công nghệ. - Quốc gia càng có lợi thế về lao động có kỹ năng, có tay nghề cao thì càng hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. - Trong thực tế, ưu đãi thuế, chi phí vận chuyển chỉ là động lực quan trọng đối với một tỷ trọng nhỏ FDI trong tổng FDI hàng năm. - Cơ sở hạ tầng, trình độ công nghệ và lao động có kỹ năng là những yếu tố quan trọng nhất quyết định thu hút FDI. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong hai thập kỷ gần đây, FDI đổ vào các nước đang phát triển tăng khá nhanh, nhưng chủ yếu tập trung tại trung Quốc và các nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình. - FDI đóng góp vào xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào sự khác biệt về lợi thế các yếu tố sản xuất giữa nước đầu tư và nước nhập đầu tư. - Chính phủ các nước đang phát triển coi trọng vai trò của FDI và có xu hướng đưa ra nhiều chính sách khuyến khích thu hút FDI.

là 294 triệu USD, Công ty Sun Steel (Sunseo) tăng 147 triệu USD, Canon và Saigon Max đều tăng thêm 100 triệu USD. Đa số các dự án này chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, chiếm khoảng 75% tổng vốn tăng thêm trong cả năm.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam những năm qua đã bộc lộ những hạn chế cần khắc phục nhằm chuyển xu hướng từ thu hút sang cạnh tranh để hút nguồn vốn này với các quốc gia đang và đã phát triển trên thế giới.

Như vậy, xu hướng vận động của FDI trong hai thập kỷ qua đã bắt đầu mở ra cơ hội cho các nước đang phát triển thu hút và sử dụng FDI. Mặc dù nguồn vốn này có xu hướng tăng dần ở các nước đang phát triển nhưng chắc chắn việc tiếp nhận FDI chủ yếu vẫn là các nước phát triển thực sự.

2. Những điểm yếu khi thực thi FDI tại Việt Nam.

◆ Vấn đề tham nhũng:

Trong những năm qua vấn đề tham nhũng đang là vấn đề nhức nhối trong xã hội Việt Nam. Đây là nguyên nhân dẫn đến hình ảnh Việt Nam giảm tính hấp dẫn các Đại Học Ngân Hàng TP.HCM (*)

nhà đầu tư nước ngoài. Bởi lẽ, một khi chuẩn bị cho một công trình, một dự án... thì một số nhà quản lý, trước khi nghĩ đến dự án có khả thi, có mang tới phúc lợi xã hội không thì đã nghĩ đến việc "chia phần" cho mình bao nhiêu khi thực hiện dự án đó. Vậy thì làm sao mà có được các dự án tốt, "dự án sạch" nhằm mang lại hiệu quả cao nhất? Điều này khiến cho các nhà đầu tư cảm thấy á ngại khi phải bỏ vốn của mình ra để đầu tư.

Theo bảng xếp hạng của tổ chức minh bạch quốc tế (có trụ sở đặt tại Đức), tổ chức cho điểm và xếp hạng tham nhũng của các quốc gia. Trong năm 2004 Việt Nam chỉ đạt 2,6/10 điểm, đứng hạng thứ 102/146 quốc gia được xếp hạng. Con số này nói lên điều gì? Nó phản ánh hai mặt: Thứ nhất, chúng ta được nằm trong danh sách xếp hạng, điều này tốt hơn rất nhiều so với các quốc gia vẫn chưa nằm trong danh sách này; Thứ hai, Việt Nam đã bị giảm hạng rất thê thảm; bởi vì, vào năm 1997 thì ta được xếp hạng thứ 43/52 quốc gia với số điểm là 2,8, con số này đã giảm xuống 2,6 trong năm 2004. Trong khi đó các nước láng giềng như là Thái Lan đã tăng từ 3,0 năm 1997 lên 3,6 năm 2004, Trung Quốc thì cải thiện con số này từ 2,4 năm 1996 lên 3,4 năm 2004.

Tình hình cải thiện tham nhũng trong nước đến nay đang được diễn ra mạnh mẽ. Trong năm 2004 hàng loạt các vụ tham nhũng lớn ở những ngành vẫn được coi là "nhạy cảm" đã lần lượt được đưa ra ánh sáng. Việc cải thiện cái nhìn thiện cảm của cộng đồng trong nước và quốc tế về môi trường đầu tư cần đến

nhieu kỹ năng tinh tế về quan hệ và marketing. Tuy nhiên một trong những cách hiệu quả để cải thiện cảm nhận này là tăng cường thông tin minh bạch. Đầu hiệu đáng mừng là trong 2005 Quốc Hội sẽ quyết định ban hành Luật chống tham nhũng.

◆ Tình khả thi của dự án:

Cơ cấu đầu tư nước ngoài còn mất cân đối cả về cơ cấu vùng và ngành. Nhiều dự án được cấp phép khá lâu, trong đó có những dự án được cấp phép trước không hoảng tài chính khu vực (1997 - 1998) nhưng triển khai chậm, thậm chí chưa triển khai. Nguyên nhân chính là do khâu thẩm định: thẩm định sơ sài hoặc 'o' việc "chạy dự án" đã kéo theo nhiều tiêu cực phát sinh. Đơn cử như: dự án nhà máy đường Quảng Phú (Quảng Ngãi), nhà máy đường Quảng Nam. Có một nghịch lý mà tất cả các nhà quản lý ở nhiều nhà máy đường miền Trung đều thừa biết hậu quả của nó nhưng vẫn cứ làm lơ: Tranh thủ xây một hoặc mở rộng công suất nhà máy đường nhưng đầu tư cho vùng nguyên liệu thì rất "chiếu lệ". Hậu quả là, hàng loạt các nhà máy đường đã phải trả giá. Vì điều nguyên liệu nên các chủ đầu tư, hoặc là chuyển dời đi nơi khác hoặc là bị phá sản hoàn toàn; kể đến là dự án nhà máy lọc dầu ở Dung Quất, dự án hầm Thủ Thiêm. Hoặc các dự án hầm Thủ Thiêm. Hoặc các dự án gặp vướng mắc kéo dài như dự án Krông An, dự án DRI Đà Lạt chưa được về lý do điểm gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư. Bên cạnh tình trạng tranh chấp giữa các bên liên doanh tiếp tục gia tăng, trong đó có các dự án như trường quốc tế Hà Nội đã làm cho các nhà đầu tư nước ngoài chuyển

sang xu hướng đầu tư với 100% vốn nước ngoài nhiều hơn. Có rất nhiều dự án đã duyệt, vừa triển khai đã phải điều chỉnh thiết kế, đổi thầu thi công, thậm chí đổi cả chủ đầu tư cho "hợp tình hợp lý". Nhiều nơi cứ thi nhau ở ạt qui hoạch cụm công nghiệp, khu du lịch sinh thái... mà bất chấp dự án đó có khả thi hay không?

Đầu tư để phát triển là điều thiết yếu. Tuy nhiên, trước tiên phải xác định cho được mình đang ở vị trí nào, địa phương mình cần gì? Để thực hiện được điều này, bên cạnh yếu tố tiên quyết là phải có qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cần phải loại bỏ tâm lý đầu tư để chứng tỏ cho "bằng anh bằng chị" mà không xem xét tính khả thi, hiệu quả của dự án.

◆ Cơ chế chính sách:

Có thể nói rằng môi trường đầu tư của Việt Nam hiện nay thiếu hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, không nhất quán và không minh bạch. Thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, một số chính sách chưa thật hợp lý (như hạn chế tỷ lệ lao động người nước ngoài dưới 3% đối với tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài không còn phù hợp với yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

Về luật pháp, chính sách: trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng tiến tới một mặt bằng pháp lý chung đã có những thay đổi bất lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Chẳng hạn như việc thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp đã làm giảm ưu đãi về thuế, nhất là đối với các dự án đầu tư vào

khu công nghiệp, khu chế xuất tại các trung tâm đô thị lớn và các dự án thuộc danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư. Việc giảm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư nước ngoài cũng như chính sách đối với ô tô, xe máy đã làm cho nhiều nhà đầu tư lo ngại về sự thiếu nhất quán của chính sách đầu tư nước ngoài của nước ta, đồng thời, cản trở việc quyết định đầu tư của một số dự án, trong đó có những dự án quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao.

◆ **Đầu tư trực tiếp nước ngoài trái Luật:**

Theo những quy định hiện hành, chính quyền địa phương không được phép ban hành bất cứ ưu đãi đầu tư nào vượt quá thẩm quyền của mình. Nhưng theo kết quả của cuộc điều tra, nghiên cứu do Trường Đại học quốc gia TP. HCM phối hợp với dự án năng cao khả năng cạnh tranh (VNCT) thực hiện cho thấy rất nhiều điều khoản ưu đãi do các địa phương ban hành đã vượt quá thẩm quyền được phép.

Kết quả điều tra cho thấy hiện có 3 dạng ưu đãi chính mà các địa phương thực hiện để thu hút đầu tư. Một là, ưu đãi thuế thu nhập DN và các loại ưu đãi thuế khác như giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế chuyển quyền sử dụng đất; Hai là, ưu đãi tín dụng; Ba là, các ưu đãi liên quan đến quyền sử dụng đất và tiền thuê đất. Tuy nhiên, thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi thuế hoàn toàn thuộc về các cơ quan quản lý Trung ương, nhưng thực tế có nhiều tỉnh đã mạnh tay “kéo dân” những ưu đãi tài chính vượt quá những quy định do Chính phủ ban hành.

Với tình trạng tỉnh A có nhà

máy đường, tỉnh B có nhà máy xi măng, tỉnh C làm bến cảng... rồi tỉnh D,E,F... cũng tìm mọi cách để có được các công trình tương tự mà bất chấp luật pháp cho ưu đãi tràn lan, sai với chủ trương Chính phủ. Theo quy định thì chính quyền cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền quy định mức giá quyền sử dụng đất hay mức giá thuê đất và mức độ ưu đãi cho từng dự án cụ thể phải dựa trên những quy định về miễn, giảm do Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành. Nhưng, nhiều địa phương đã rất “tự chủ” thực hiện ưu đãi đầu tư thông qua việc hỗ trợ một phần chi phí đến bù giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư. Để việc khuyến khích đầu tư thật sự hiệu quả, các địa phương cần xác định rõ ràng mục tiêu cũng như đối tượng được ưu đãi cụ thể, chính xác, bởi vì nếu những chính sách được ưu đãi trùng lặp sẽ làm giảm tác dụng lẫn nhau.

■ **Chiến lược gia tăng khả năng cạnh tranh trong việc thu hút FDI của Việt Nam.**

I. Chiến lược thu hút FDI cần sớm được xây dựng.

Một chiến lược rõ ràng về thu hút FDI sẽ góp phần rất lớn vào việc phát triển bền vững nền kinh tế của quốc gia. Trong thời đại ngày nay, các chuyên gia, các nhà hoạch định chính sách, phải có tầm nhìn chiến lược trong lãnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Có nghĩa là, việc đầu tư nước ngoài tại một quốc gia phải có cái nhìn nghiêm túc. Điều này phải thể hiện được rằng: Thứ nhất, phải hoạch định được chính sách, qui hoạch được danh mục đầu tư thích hợp, hoàn chỉnh; Thứ hai, phải thành lập được trung tâm xúc tiến thu hút kêu gọi nhà đầu tư - trung tâm

này khi xúc tiến kêu gọi đầu tư sẽ được hưởng 1% giá trị hợp đồng để làm quỹ hoạt động cho mình; Thứ ba, phải dự báo được yêu cầu của đất nước trong xu thế về phát triển trong nhiều năm tiếp theo để chủ động trong việc kêu gọi đầu tư, tránh tình trạng chính sách kêu gọi đầu tư lạc hậu chậm điều chỉnh.

2. Cơ chế chính sách, pháp luật cần khẩn trương điều chỉnh cho phù hợp.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư nước ngoài theo hướng hình thành một mặt bằng pháp lý chung cho đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, tạo thêm điều kiện thuận lợi, đảm bảo tính minh bạch và dễ tiên đoán, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Trước mắt giải quyết các vướng mắc về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng theo hướng Bộ KH & ĐT đã trình Thủ tướng Chính Phủ tại Công văn số 806/BKH-PC ngày 6/2/2004. Sửa đổi Nghị định số 105/2003/NĐ-CP ngày 19/9/2003 của Chính phủ theo hướng nới lỏng hạn chế tỷ lệ lao động nước ngoài trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, giáo dục đào tạo, cơ sở khám chữa bệnh.

Triển khai có hiệu quả các Nghị định mới của Chính phủ như Nghị định 27/2003/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của ND 24/2001/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật ĐTNN tại Việt Nam; Nghị định 38/2003/NĐ-CP về chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần; Quyết định số 146/2003/QĐ-Ttg ngày 11/3/

2003 về việc góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam. Sớm ban hành nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 36/CP ngày 24/4/1997 về quy chế KCN-KCX-KCN cao. Nghiên cứu và áp dụng hình thức mua lại và sát nhập (M & A) vào thực tế nước ta để mở kênh mới thu hút đầu tư nước ngoài, vì đây cũng là một động lực của dòng vốn đầu tư nước ngoài hiện nay. Nghiên cứu áp dụng một số hình thức đầu tư mới như mô hình công ty mẹ-con (Holding Company), công ty hợp danh để tăng thêm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam.

Tóm lại, một chính sách nhất quán rõ ràng phù hợp là đều rất quan trọng và tiên quyết trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Không một nhà đầu tư nào muốn bỏ vốn vào một nơi đầy rủi ro mà lợi nhuận thì lại không xác định được cụ thể.

3. Cải tiến qui trình thẩm định dự án.

Tiếp tục cải tiến quy trình thẩm định dự án, theo hướng mở rộng diện đăng ký cấp phép đầu tư, rút ngắn thời hạn thẩm định, từng bước chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm". Trước mắt, để nghị các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xem xét có ý kiến sớm về các dự án mà Bộ KH & ĐT đã gửi xin ý kiến, thực hiện đúng quy định về thời gian xem xét góp ý ghi trong Nghị định 24/2001/ND-CP của Chính phủ (không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ). Chính sách một cửa một giá cần phải tiến hành nhanh chóng hiệu quả. Có như thế thì việc nắm bắt cơ hội đầu tư một cách dễ dàng, không

bỏ lỡ những dự án tốt.

4. Hoàn thiện kịp thời và luôn làm mới danh mục đầu tư cho phù hợp từng thời kỳ.

Hoàn chỉnh quy hoạch, dỡ bỏ một số hạn chế về đầu tư. Rà soát điều chỉnh quy hoạch ngành theo hướng xoá bỏ độc quyền và bảo hộ sản xuất trong nước, tạo điều kiện cho khu vực đầu tư nước ngoài tham gia nhiều hơn vào phát triển các ngành. Hoàn chỉnh danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài, bổ sung những dự án quy mô lớn cần kêu gọi đầu tư nước ngoài. Tránh tình trạng danh mục kêu gọi dự án đầu tư không còn phù hợp như hiện nay. Điều này làm cho các nhà đầu tư nước ngoài thấy lúng túng khi quyết định đầu tư. Các dự án khi được lựa chọn đưa vào danh sách kêu gọi đầu tư nước ngoài phải được thống nhất về chủ trương và quy hoạch. Các cơ quan ban ngành liên quan cần cụ thể hóa thêm mục tiêu nội dung của dự án, địa điểm và hình thức đầu tư. Danh mục này phải được định kỳ cập nhật và mở rộng cho các lĩnh vực mà thời gian qua các chủ trương không cấp phép hoặc hạn chế cấp phép.

5. Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

Chúng ta phải chú tâm đến các nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có vốn, công nghệ, trình độ quản lý, thị trường... khi tham gia góp vốn vào doanh nghiệp sẽ góp phần làm cho hội đồng quản trị mạnh lên. Nhà đầu tư chiến lược có một vai trò quan trọng như vậy, tuy nhiên trong thực tế trên 10 năm cổ phần hoá với 1.500 doanh nghiệp nhà nước đã chuyển thành công ty cổ phần

thì vai trò của nhà đầu tư chiến lược còn mờ nhạt. Cách thức bán cổ phần của doanh nghiệp thường chỉ đơn điệu bao gồm người lao động, nhà đầu tư cá nhân bên ngoài, các cá nhân ở các đơn vị có quan hệ với doanh nghiệp, một số ít doanh nghiệp có mời thêm quý đầu tư nước ngoài tham gia, có một số ít doanh nghiệp mời các khách hàng nước ngoài góp vốn ở tỷ lệ cổ phần hạn chế. Việc qui định Nhà nước 51% cổ phần đã hạn chế việc tham gia góp vốn của nhà đầu tư chiến lược vì nếu có điều kiện tham gia họ khó có ảnh hưởng trong quản trị doanh nghiệp.

6. Đổi mới nội dung xúc tiến đầu tư.

Công tác xúc tiến đầu tư cần phải được đổi mới cả về nội dung và phương thức thực hiện. Trước mắt cần đổi mới về nội dung và phương thức vận động, xúc tiến đầu tư theo một chương trình chủ động, có hiệu quả phù hợp với từng địa bàn, loại hình doanh nghiệp. Tăng cường bộ phận xúc tiến đầu tư tại các Bộ, ngành, các cơ quan đại diện nước ta ở một số địa bàn trọng điểm ở nước ngoài để chủ động vận động, xúc tiến đầu tư trực tiếp đối với từng dự án, từng tập đoàn, công ty, nhà đầu tư có tiềm năng, nhất là các Tập đoàn xuyên quốc gia.

Định kỳ 6 tháng hay 1 năm, Chính phủ, các bộ ngành, UBND tỉnh thành liên quan cần tổ chức cuộc họp với các nhà đầu tư đang có dự án hoạt động tại Việt nam để lắng nghe ý kiến, trao đổi, tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh. Đây là một biện pháp rất quan trọng để vận động có hiệu quả và có sức thuyết phục với các nhà đầu tư mới.

■ *Kết luận.*

Thực tiễn trong hơn 10 năm qua, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội theo xu hướng đổi mới, mở cửa và hội nhập. Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đã trở thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược đầu tư phát triển kinh tế ở nước ta, góp phần phát huy nội lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác triệt để lợi thế so sánh.

Tuy nhiên một điều hết sức quan trọng mà chúng ta cần phải biết đó là tầm nhìn chiến lược. Trong nền kinh tế hiện đại, các nhà hoạch định chính sách phát triển kinh tế của một quốc gia phải có một tầm nhìn rộng hơn, sâu hơn và xa hơn về đầu tư trực tiếp nước ngoài, không theo kiểu tác nghiệp, "ăn sỏi" trong môi trường đầy rẫy cạnh tranh. Việt Nam là đất nước còn nghèo, vốn đầu tư cho phát triển còn thiếu rất nhiều, vì vậy không những có chính sách thích hợp kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài mà còn phải có chính sách cạnh tranh nhằm thu hút tối đa có thể có đối với các nguồn vốn này. Vì vậy, việc đưa ra các chiến lược nhằm đẩy mạnh hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam một cách bền vững, ổn định là có ý nghĩa quyết định đến chiến lược phát triển kinh tế xã hội đất nước trong tương lai ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

01. Việt Nam với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế - Nhà Xuất Bản Thống Kê 2003.
02. [Http://www.Hapi.Gov.Vn](http://www.Hapi.Gov.Vn)
03. [Http://www.Fep.Edu.Vn](http://www.Fep.Edu.Vn)
04. [Http://www.Cpv.Org.Vn](http://www.Cpv.Org.Vn)
05. [Http://www.Mpi.Gov.Vn](http://www.Mpi.Gov.Vn)
06. [Http://www.Ncp.Org.Vn](http://www.Ncp.Org.Vn)
07. Giáo trình Kinh tế quốc tế - Trường Đại Học Kinh Tế TP HCM, 2003.

"RỦI RO TÍN DỤNG- BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA"

Nguyễn Hữu Tâm*

NHTM Việt Nam.

1. MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN DẪN ĐẾN RỦI RO TÍN DỤNG.

■ **Vướng mắc trong đăng ký giao dịch bảo đảm.**

Thời gian qua, các địa phương vì nhiều lý do khác nhau đã không triển khai Thông tư liên tịch 03/2003/TTLT-BTP-BTNMT ngày 4/7/2003 đến các phường, xã để

thực hiện các quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với hộ gia đình. Một số UBND phường, xã chỉ thực hiện việc chứng thực trên hợp đồng thế chấp mà không mở sổ theo dõi và ghi đầy đủ các nội dung chứng thực. Việc thực hiện tại UBND các xã, phường thuộc tỉnh mới chỉ dừng ở việc đăng ký giao dịch bảo đảm, còn công tác xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, cung cấp thông tin về đăng ký giao dịch bảo đảm... hầu như chưa thực hiện được.

Thực tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các tổ chức và công dân đối với đất ở và đất sản xuất. Quan trọng hơn, ngành ngân hàng trên địa bàn đã không thực hiện được chỉ đạo của Thống đốc NHNNVN về việc tiến hành đăng ký các giao dịch bảo đảm đối với các hộ vay có nhu cầu thế chấp.

NHNN chỉ nhánh Lâm Đồng()*

Ngân hàng thương mại là một doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ - tín dụng, một loại hình kinh doanh chứa đựng rủi ro cao. Trong các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Việt Nam, hoạt động tín dụng mang lại nguồn lợi nhuận lớn nhất và cũng tiềm ẩn rủi ro cao nhất.

Đặc biệt trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, hệ thống Ngân hàng Việt Nam nói chung và các Ngân hàng Thương mại (NHTM) nói riêng đang đứng trước những thách thức mới gắn liền với tiềm ẩn rủi ro cao hơn. Vì vậy trong quý II/2005 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành 2 quyết định: Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 v/v ban hành "Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động tín dụng" và quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 v/v ban hành "Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD"

Rủi ro tín dụng luôn là để tài được quan tâm và mang tính thời sự cao. Nhận thức vai trò quan trọng của rủi ro trong hoạt động tín dụng, lượng hóa mức độ rủi ro, xác định nguyên nhân để đề ra các biện pháp hiệu quả để phòng ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro tín dụng là vấn đề sống còn và phát triển của các